

Bản án số: 47/2019/HS-ST

Ngày: 23/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Phạm Thế Anh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Ông Phạm Văn Thành, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2019/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HS ngày 10/10/2019 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Đỗ Văn P**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 8A, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Tôn giáo: Công Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn V và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Vũ Thị M và 02 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Lịch sử bản thân:

Ngày 20/01/2011 bị UBND huyện K ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy thời hạn 24 tháng, đã chấp hành xong ngày 21/01/2013.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/7/2019, chuyển tạm giam ngày 26/7/2019 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bị hại: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1964; Trú tại xóm 7A T, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993; Trú tại: TĐ, huyện H, thành phố Hà Nội (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Bình), vắng mặt;

- Anh Phạm Tuấn G, sinh năm 1984; Trú tại xóm 7A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 22/7/2019 bị cáo Đỗ Văn P mượn xe mô tô của anh Nguyễn Văn T đi đến nhà anh vợ bị cáo ở xóm 9, xã C, khi đi qua nhà ông Nguyễn Văn B ở xóm 7A Tây xã C, thấy tại sân nhà ông B có chiếc xe mô tô chìa khóa cắm ở ổ khóa điện, P nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của nhà ông B vì vậy P quay trở lại trả xe cho anh T sau đó một mình đi bộ đến nhà ông B, quan sát thấy không có ai, bị cáo dắt xe mô tô ra cổng sau đó nổ máy đưa xe đến quán sửa chữa xe máy của anh Phạm Tuấn G ở xóm 7A, xã K nói với anh G là xe mang ở bãi về không có giấy tờ và bán cho anh G theo giá sắt vụn với giá 1.000.000đ. Sau khi bán xe xong bị cáo đi nhờ xe người đi đường lên ngã ba Q giáp ranh xã H và xã A hỏi mua của một người đàn ông không quen biết 01 gói hê rô in với giá 200.000đ sau đó đưa về nhà sử dụng một mình, số tiền bán xe còn lại bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Sáng ngày 25/7/2019 sợ hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện, bị cáo đã đến công an huyện K tự thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Cơ quan công an đã thu giữ được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 35K1-071.36 mà bị cáo trộm cắp bán lại cho anh G.

Kết luận định giá tài sản số 38/HĐ-ĐG ngày 26/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 35K1-071.36 có giá trị còn lại là 6.748.800đ.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 01/10/2019 VKSND huyện K đã truy tố bị cáo Đỗ Văn P về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn P từ 6 - 9 tháng tù.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ và biện pháp tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đỗ Văn P hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, khoảng 13 giờ 45 phút ngày 22/7/2019 sau khi ăn cơm tại nhà người bạn tên T ở xóm 6, xã C bị cáo mượn xe máy của anh T để đi đến nhà anh vợ bị cáo tại xóm 9 cùng xã. Khi bị cáo đi qua khu vực xóm 7A xã C thì phát hiện có một chiếc xe máy trong sân của một gia đình mà không có ai trông coi và chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên, vì vậy bị cáo đã quay trở lại trả xe cho anh T, sau đó đi bộ đến chỗ có chiếc xe nói trên lấy trộm xe đưa đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh G ở khu vực xã K nói dối là xe đem ở trong bãi về không có giấy tờ và bán cho anh G với giá 1.000.000 sau đó bị cáo đi mua ma túy để

sử dụng và tiêu sài cá nhân hết. Ngày 25/7/2019 sợ hành vi trộm cắp bị lộ, bị cáo đã đến cơ quan công an tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, biên bản tiếp nhận đơn trình báo, đơn tự thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra tự thú, biên bản hiện trường, biên bản giao nộp tang vật, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K về giá trị chiếc xe mô tô mà bị cáo đã trộm cắp...

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 6.748.800đ, bị cáo Đỗ Văn P đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ, sau đó đem đi tiêu thụ nhằm phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan công an tự thú, khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại các điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy không lớn nhưng nhân thân của bị cáo là người sử dụng ma túy, mặc dù đã được cai nghiện nhưng vẫn không từ bỏ, vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

Trong vụ án này, bị cáo có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện K đã tách phần tài liệu liên quan để công an huyện K xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã được nhận lại tài sản là xe mô tô, đến nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường đối với bị cáo, do vậy trách nhiệm bồi thường của bị cáo đối với người bị hại không cần xem xét đến nữa.

Đối với số tiền 1.000.000đ bị cáo bán xe mô tô trộm cắp cho anh G và bị cáo đã tiêu sài hết, đây là quan hệ giao dịch dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình vì anh G không biết xe mô tô trên là do bị cáo trộm cắp mà có, sau này anh G đã giao lại xe mô tô trên cho cơ quan điều tra để trả lại cho người bị hại, nay anh G không đề nghị gì về số tiền trên, nhưng đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có vì vậy cần tịch thu từ bị cáo số tiền trên để sung quỹ nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý xong một số vật chứng trong vụ án bao gồm trả lại cho ông B chiếc xe mô tô BKS 35K1 – 071.36 . Hiện nay cơ quan điều tra còn chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện K 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen và 01 chiếc quần Jean màu đen, đây là trang phục của bị cáo không liên quan đến vụ án vì vậy cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hoàn toàn hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn P phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, r,s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 25/7/2019.

+ Áp dụng Điều 47 BLHS; Căn cứ Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu từ bị cáo số tiền 1.000.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen và 01 chiếc quần Jean màu đen (chi tiết vật chứng như biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện K ngày 02/10/2019).

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã C;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Phạm Thế Anh

